

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2024

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Nghi

2. Ông Nguyễn Văn Tạo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/11/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn S; nơi ĐKKHKT: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: thôn 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Đặng Thị H; nơi ĐKKHKT: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: thôn 19/5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/7/2024, bản tự khai, đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt, nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày: Anh và chị Đặng Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/8/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, không được bao lâu thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp, thường cãi vã,

xúc phạm nhau nên đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Hiện tại anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy kiên quyết xin ly hôn đối với chị H để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Theo anh S thì giữa vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Yến H, sinh ngày 03/3/1996 và Trần Văn T, sinh ngày 19/5/1998. Các con chung hiện đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự thỏa thuận giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và tại phiên tòa, bị đơn chị Đặng Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì giữa chị và anh Trần Văn S có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/8/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm hạnh phúc. Tuy nhiên, không được bao lâu thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp, thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau nên đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy chị đồng ý ly hôn và nguyện vọng xin được ly hôn đối với anh S để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Chị H trình bày, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Yến H, sinh ngày 03/3/1996 và Trần Văn T, sinh ngày 19/5/1998. Các con chung hiện đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Đặng Thị H, vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn S có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Trần Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Đặng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/8/1997, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Cuộc sống chung hạnh phúc của vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, không hòa hợp cùng nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau; hai bên không tìm được hướng đi chung, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn. Anh S, chị H xác định thật sự không còn tình cảm gì với nhau, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng nhau được nữa mà nguyện vọng xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống bản thân. Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của các bên đương sự và xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh S, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn S, xét xử cho anh Trần Văn S được ly hôn chị Đặng Thị H.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa anh Trần Văn S và chị Đặng Thị H có 02 con chung tên là Trần Thị Yến H, sinh ngày 03/3/1996 và Trần Văn T, sinh ngày 19/5/1998. Đối với các con chung của anh S và chị H thì hiện tại là những người đã trưởng thành, có khả năng tự lao động tạo ra thu nhập, tự nuôi sống bản thân mình nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn S và chị Đặng Thị H thống nhất tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc anh Trần Văn S phải chịu tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn S được ly hôn chị Đặng Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí anh S phải chịu trên được

trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0002137, ngày 03/10/2024.

Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực